|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯*Nghệ An, ngày tháng 8 năm 2020* |

BÁO CÁO

Đánh giá thực hiện kế hoạch năm học 2019 - 2020

và xây dựng kế hoạch năm học 2020 - 2021

¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯

**1. Cơ cấu tổ chức Khoa**

- Đảng ủy, Ban chủ nhiệm Khoa; Công đoàn; Đoàn thanh niên. Hiện nay Khoa xây dựng có tổng số cán bộ là 47 người, trong đó có 4 GVC, 9 TS, 36 ThS, 2 chuyên viên, chia làm 3 bộ môn gồm Bộ môn cơ sở xây dựng, bộ môn xây dựng dân dụng và công nghiệp, bộ môn Cầu đường.

**2. Số lượng sinh viên**

Tổng số sinh viên: 880 sinh viên, 35 học viên cao học.

PHẦN 1

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm học 2019 - 2020

Năm học 2019-2020 là năm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động của Ngành Giáo dục và Đào tạo thực hiện chiến lược phát triển Giáo dục giai đoạn 2011-2020; thực hiện Chỉ thị số 09-CT/ĐU ngày 16/02/2020 của Ban Thường vụ Đảng ủy Trường Đại học Vinh về việc “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Vinh đáp ứng yêu cầu của tình hình mới”. Toàn ngành tiếp tục phát huy kết quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua, chú trọng công tác giáo dục đạo đức, nhân cách, giá trị sống, kỹ năng sống cho sinh viên; Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao chất lượng đào tạo.

Năm học 2019 – 2020 là năm học chào mừng Đại hội đảng các cấp, chào mừng đại hội đại biểu Đảng bộ ĐHV Khóa 32; ĐH Đảng bộ bộ phận Khoa Xây dựng nhiệm kì 2020 – 2025.

Mặc dù có nhiều khó khăn, đặc biệt là đại dịch Covid 19, năm học 2019 – 2020 Khoa Xây dựng thực hiện được nhiều kết quả từ công tác đào tạo, NCKH đến các hoạt động đoàn, công đoàn, công tác quản lý SV – phục vụ người học,.. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số công việc chưa đạt kết quả cao.

1. Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

*a) Kết quả thực hiện*

Trong năm học 2019-2020, Khoa Xây dựng đã triển khai các hoạt động nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá các khối kiến thức chuyên ngành theo tiếp cận CDIO với số lượng đề tài cấp trường trọng điểm đã nghiệm thu là 5 đề tài. Như vậy đến thời điểm này, toàn bộ chương trình đào tạo các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của Khoa Xây dựng đã được nghiên cứu đổi mới theo hướng tiếp cận CDIO.

Để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, trong năm học 2019-2020, Khoa Xây dựng đã triển khai nhiều hoạt động nhằm cải tiến chất lượng CTĐT dựa trên kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT đã được Nhà trường phê duyệt, cụ thể đã triển khai các hoạt động sau:

* Lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT: Khoa Xây dựng đã lên kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, bao gồm các sinh viên/ cựu sinh viên, các giảng viên của trường Đại học xây dựng Hà Nội, các Doanh nghiệp. Tổng số phiếu khảo sát thu thập là 120 phiếu. Ngoài ra có nhiều ý kiến thu được từ các cuộc Hội thảo, trao đổi trực tiếp với Doanh nghiệp, các giảng viên có trình độ cao ở các trường Đại học đào tạo chuyên ngành xây dựng.
* Định kỳ rà soát, bổ sung, cập nhật CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng.
* Điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng tỷ lệ các khối kiến thức chuyên ngành và số tín chỉ tự chọn trong CTĐT

 Trong năm học 2019-2020, Khoa Xây dựng đã rà soát chương trình đào tạo, làm tờ trình xin ý kiến Nhà trường để điều chỉnh chương trình đào tạo các ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình giao thông từ 5 năm xuống 4,5 năm với khối lượng 150TC, ngành Kinh tế xây dựng từ 4.5 năm xuống 4 năm. Đồng thời Khoa xây dựng đã điều chỉnh vị trí một số học phần trong CTĐT cho phù hợp, điều chỉnh tên các học phần phù hợp với nội dung, …

 Khoa xây dựng đã hoàn thiện các đề tài NCKH trọng điểm về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá các khối kiến thức chuyên ngành theo tiếp cận CDIO. Như vậy kết thúc năm học 2019-2020, tất cả các học phần thuộc 2 chương trình đào tạo chính quy thuộc Khoa Xây dựng đều đã được đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá theo tiếp cận CDIO. Các học phần đồ án được xây dựng trên cơ sở tích hợp các môn học và liên môn học, hướng tới mỗi học kì tương đương với một block năng lực theo chuẩn đầu ra của CTĐT CDIO.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế:* Chương trình đào tạo vẫn còn năng lý thuyết, tỷ lệ thực hành còn ít. Tỷ trọng của phần kiến thức chuyên ngành ít đã tạo nên sự kém linh hoạt khi cần điều chỉnh.

*Nguyên nhân.* Khối lượng kiến thức chung của các nghành kỹ thuật chiếm tỷ lệ lớn, do đó phần chuyên ngành ít, khó điều chỉnh để tăng phân thực hành.

2. Công tác dạy học

*a) Kết quả thực hiện*

Năm học 2019 – 2020 Khoa Xây dựng đã thực hiện nhiệm vụ giảng dạy hệ Chính quy, hệ VLVH cho các ngành KT Xây dựng, KTXD CTGT và Sau đại học chuyên ngành KTXDDD&CN. Kết quả đã thực hiện với số giờ như sau:

* Số tiết thực hiện giờ chuẩn: 13492,9 giờ chuẩn
* Bình quân 465,24 giờ /CBGD (29 giảng viên)

Bảng chi tiết giờ dạy:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Bộ môn | Kế hoạch | Thực hiện | Ghi Chú |
| 1 | Cơ sở xây dựng | 2305.5 | 2142.5 |  |
| 2 | Xây dựng DD&CN | 8457 | 8599.4 |  |
| 3 | Cầu đường | 2462 | 2751 |  |
|  | Tổng | 13224.5 | 13492.9 |  |

 *b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế:* Vẫn còn một số giờ dạy, một số giảng viên chưa chuyển đổi sang PP dạy mới – PP dạy tích cực, vẫn còn truyền thụ một chiều.

Chất lượng dạy trực tuyến (zoom) chưa cao, chưa đạt như kì vọng.

*Nguyên nhân:* PP dạy theo tiếp cận năng lực là PP dạy mới, do đó một số cán bộ chưa kiến thức, chưa được cập nhật, chưa có ý thức tự cập nhật.

Chất lượng, hiệu quả dạy trực tuyến chưa cao là do nhiều nguyên nhân: chất lượng đường truyền không tốt; giáo viên và người học chưa có kinh nghiệm (chuẩn bị BG, PP dạy và học online).

3. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ

*a) Kết quả thực hiện*

Khoa học công nghệ là nhiệm vụ được quan tâm, định hướng phát triển mạnh ngày từ đầu năm học 2019 – 2020. Năm học qua, Khoa Xây dựng đã gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đáng chú ý là số bài báo khoa học đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ESCI, Scopus, ISI, với 21 lượt đăng bài. Bên cạnh đó, năm học qua là là năm đầu tiên Khoa Xây dựng thực hiện đề tài cấp bộ/ tương đương.Cụ thể:

* Triển khai 01 đề tài NCKH cấp Bộ, chủ nhiệm TS. Nguyễn Trọng Hà.
* Triển khai 01 đề tài NCKH cấp Tỉnh ở tỉnh Hà Tĩnh.
* Đã nghiệm thu 5 đề tài NCKH cấp Trường trọng điểm về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá các khối kiến thức theo hướng tiếp cận CDIO.

Bảng số liệu hoạt động KHCN năm 2019 – 2020:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Bộ môn | Số tiết dự giờ | Số seminar đã thực hiện | Số giờ NCKH đã thực hiện | Số cán bộ thiếu giờ NCKH |
| 1 | Cơ sở xây dựng | 8 | 07 | 1477 | - |
| 2 | Xây dựng DD&CN | 18 | 15 | 2310 | 00 |
| 3 | Cầu đường | 11 | 12 | 1500 | 01 |
| **Tổng cộng** | **37** | **34** |  | **01** |

Bảng thống kê danh mục bài báo Khoa học.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chuyên môn | Các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước | Các tạp chí quốc tế | Các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus |
| Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ | Số lượng | Tỷ lệ |
| Xây dựng | 16 | 57% | 0 | 0 | 21 | 76.9% |
| Giao thông | 7 | 25% | 0 | 0 | 5 | 19.2% |
| Kiến trúc | 3 | 10% | 0 | 0 | 0 | 0.0% |
| Kinh tế XD | 2 | 8% | 0 | 0 | 0 | 0.0 % |
| Tổng cộng | 28 | 100% |  |  |  | 100% |

 *b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế:*  Số người tham gia viết đăng bài báo khoa học chưa đồng đều, còn tồn tại nhiều cán bộ có số năm nghề cao nhưng số lượng bài báo ít, vẫn còn cán bộ thiếu giờ khoa học (tuổi nghề 4 -5 năm nhưng số bài chỉ 1 hoặc 2 bài). Bài báo tuy thuộc danh mục ISI/ Scopus nhưng chất lượng chưa cao, với chỉ số IF nhỏ.

Số đề tài cấp bộ/ ngang bộ được thực hiện đang rất ít.

*Nguyên nhân.* Số CB đang ít về hoạt động khoa học công nghệ một phần do ý thức trách nhiệm chưa cao, phần khác do trình độ còn thấp và bị chi phối nhiều công việc khác. Chất lượng bài báo chưa cao là do kinh nghiệm còn ít, kèm theo phương tiện về thiết bị, máy tính,.. còn thiếu, kiến thức chưa đạt đến độ chín muồi. Số lượng bài báo đăng trên tạp chí nước ngoài ít là do trình độ tiếng anh cán bộ thấp.

*Giải pháp.* Nhà trường cần có cơ chế về pháp lý và hỗ trợ trang thiết bị, máy tính,…

4. Công tác phát triển đội ngũ

*a) Kết quả thực hiện*

Năm học 2019 – 2020 Khoa Xây dựng đã triển khai, thực hiện công tác phát triển đổi ngũ cán bộ trên tất cả các mặt: bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị; công tác bổ nhiệm, luân chuẩn cán bộ,…:

* Khoa cử 2 cán bộ học tập NCS nước ngoài (Đặng Huy Khánh và Nguyễn Thị Duyên).
* Cử 11 giảng viên tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giảng viên chính do Nhà trường tổ chức, có 10 giảng viên được tuyển dụng vào biên chế.
* 01 giảng viên hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ và 02 giảng viên bảo vệ thành công luận án tiến sỹ (TS. Nguyễn Văn Quang, TS. Phan Văn Phúc).
* Ba giảng viên được bổ nhiệm chức danh NN GVC; 01 cán bộ được Bộ trưởng khen tặng danh hiệu Thi đua cấp bộ; 01 giải Ba giảng viên trẻ dạy giỏi cấp Trường ( ThS. Đinh Văn Dũng).
* Năm qua Khoa đã thực hiện luân chuyển cán bộ: TS. Nguyễn Trọng Hà sang phụ trách BM Cầu đường; Bổ nhiệm TS. Phạm Hồng Sơn làm trưởng BM Cơ sở XD khi vừa hoàn thành TS; miễn nhiệm chức vụ Trưởng BM Cầu đường TS. Phan Văn Tiến để tập trung công việc quản lý, lãnh đạo của BCN Khoa.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế:* Số lượng cán bộ có trình độ TS chưa đạt yêu cầu (22%); số lượng GVC quá ít (7%); chưa có PGS. Chât lượng đội ngũ cán bộ còn hạn chế, chất lượng năng lực tiếng anh của cán bộ thấp.

*Nguyên nhân:* Do số lượng cán bộ có trình độ TS ít nên kéo theo số GVC ít, đồng thời số lượng cán bộ chưa qua lớp bồi dưỡng GVC còn nhiều. Nhiều cán bộ chưa có ý thức bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng anh.

5. Công tác về người học

5.1. Công tác tuyển sinh

*a) Kết quả thực hiện*

Hoạt động quảng bá tuyển sinh năm học 2019 – 2020 được thực hiện trên nhiều hình thức, phương thức: quảng quá trên MXH; gọi điện tư vấn trực tiếp; livestream; tổ chức các đoàn đi quảng bá trực tiếp,.. Tuy vậy, kết quả QBTS chưa đạt như mong đợi, cụ thể như sau:

Số lượng sinh viên Đại học hệ chính quy K60 là 82 sinh viên của 3 chuyên ngành đào tạo, trong đó có 59 sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng, 13 sinh viên ngành KTXD CTGT và 10 sinh viên ngành Kinh tế xây dựng. Hệ VLVH vẫn được duy trì và phát triển, năm học qua đã tuyển được 60 sinh viên ở Thanh Hóa, Bình Định. Cao học Xây dựng đảm bảo tuyển sinh ôn định hàng năm, năm học 2019-2020 tuyển sinh 20 học viên cao học K27 và 15 học K28.

Tổng số lượng sinh viên hiện tại ở Khoa Xây dựng: 880, tương ứng với tỷ lệ: 22 SV/ GV.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế*: Số lượng TS ít, không đồng đều giữa các ngành;

*Nguyên nhân:* Về nguyên nhân khách quan có thể thấy là sự định hướng ngành nghề của Xã hội, sự thay đổi xu hướng xã hội đang diễn ra theo xu hướng ưa chuộng các ngành Kỹ thuật kém hơn so với các ngành Xã hội. Đồng thời, bên cạnh xu hướng lực chọn của người học ở các vùng nông thôn đang ưu tiên cho xuất khẩu lao động hoặc học nghề ngay từ khi học hết Trung học cơ sở.

Về nguyên nhân chủ quan: Mặc dù Nhà trường, ĐU, BCN Khoa đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt về công tác tuyển sinh, tuy nhiên vẫn tồn tại 1 số ít cán bộ chưa có trách nhiệm, thiếu nhiệt tình. Thời gian học dài (5 năm) và chí phí học phí cao so với các trường khác có cùng ngành học.

**5.2. Công tác hỗ trợ người học**

*a) Kết quả thực hiện*

Trong năm học 2019-2020, Khoa Xây dựng thực hiện nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ người học: đầy đủ chế độ, chính sách, hỗ trợ cho người học. làm tốt công tác thi đua khen thưởng trong học viên, sinh viên; các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp.

Kết nối với doanh nghiệp để giới thiệu việc làm cho sinh viên vừa tốt nghiệp và sinh viên chưa tốt nghiệm.

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động xây dựng Đoàn – Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh phong trào học tập, nghiên cứu khoa học trong sinh viên; tham gia công tác nội trú, ngoại trú, lưu học sinh; tích cực chủ động phát hiện, nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh trong học viên, sinh viên; xây dựng nếp sống văn hóa.

GVCN lớp, trợ lý đào tạo, cố vấn học tập đã thực hiện tự vấn học tập, kết nối với gia đình trong việc hộ trợ học tập và tạo niềm tin về chất lượng và việc làm sau khi ra trường cho người học.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

*Hạn chế:* Nhiều cán bộ thực hiện chưa tốt, chưa đồng đều nhau trong nghiệp vụ hỗ trợ người học. Sự phối hợp chưa nhiệt tình, chưa hài hòa của doanh nghiệp. Một số sinh viên chưa nhận thức tốt về việc trang bị kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp. *Chưa được sự ghi nhận và đánh giá cao từ phía phòng ban chức năng!*

*Nguyên nhân:* Trách nhiệm chưa cao, chưa hiểu biết nhiều về chế độ chính sách của một số cán bộ. Trách nhiệm của doanh nghiệp với khoa, nhà trường với xã hội chưa được thể hiện trong hoạt động công việc của công ty.

6. Công tác cơ sở vật chất

*a) Kết quả thực hiện*

Công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị của Khoa Xây dựng được thực hiện nghiêm túc, kỹ càng. Trong năm học vừa qua, Khoa Xây dựng đã phối hợp với Phòng quản trị và đầu tư rà soát các trang thiết bị, cơ sở vật chất tại Khoa Xây dựng và đã cập nhật danh sách, thanh lý các trang thiết bị, cơ sở vật chất hư hỏng, đảm bảo tình trạng hoạt động tốt của trang thiết bị.

Khoa Xây dựng đã hoàn thành quy hoạch Phòng thí nghiệm và được Nhà trường phê duyệt chủ trương đầu tư mua sắm trang thiết bị thí nghiệm. Trong năm học 2019-2020, Nhà trường đã đầu tư cho Khoa Xây dựng 01 bộ máy tính tốc độ cao để phục vụ công tác nghiên cứu số của Khoa.

7. Công tác hợp tác đối ngoại

*a) Kết quả thực hiện*

Hoạt động hợp tác, đối ngoại được thực hiện thường xuyên đối với các đối tác trong và ngoài nước:

- Phối hợp với ĐHXD, ĐH Giao thông trong đào tạo Sau đại học và phát triển chương trình; phối hợp trong hoạt động NCKH,..

- Phối hợp với Đại học Sejong Hàn Quốc; ĐH ShuShi Nhật Bản; GS.Thăng – Hoa kì..

- Phối hợp với nhiều công ty, tập đoàn để hợp tác trong công tác tuyển cán bộ cho sinh viên mới tốt nghiệp: công ty cổ phần Ecoba Việt Nam, công ty CP thép Hòa Phát Dung Quất; Công ty CP đầu tư phát triển và xây dựng Quốc tế DCI.

*b) Hạn chế và nguyên nhân*

Công tác đối ngoại được thực hiện trên phương diện cá nhân, với phương thức trực tuyến mà chưa cho các văn bản hợp tác.

Do chưa có nội dụng hợp tác cụ thể, do mới công tác hợp tác mới khởi điểm trong giai đoạn bắt đầu.

8. Các công tác khác

 Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho học viên sinh viên được chú trọng thông qua việc tổ chức học tập các Nghị quyết, chỉ thị của Trung ương. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh Chỉ thị số 05 của Bộ chính trị.

 Tăng cường công tác phát triển Đảng, các hoạt động đoàn thể, tình nguyện vì cộng đồng, hoạt động phòng chống dịch Covid

 Thực hiện các giải pháp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ viên chức và người học. Tiếp tục hỗ trợ cán bộ trẻ đảm bảo đời sống, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng nâng cao trình độ.

PHẦN 2

Kế hoạch năm học 2020 – 2021

Căn cứ để xây dựng kế hoạch năm học:

*- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường;*

*- Quyết định số 1278/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030;*

*- Quyết định số 766/QĐ-ĐHV ngày 31/8/2018 của Hiệu trưởng ban hành về Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025;*

*- Quyết định số 2389/QĐ-ĐHV ngày 06/09/2019 của Hiệu trưởng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh;*

*- Quyết định số 61/QĐ-ĐHV ngày 30/10/2019 của Hiệu trưởng ban hành về Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2019-2025;*

*- Quyết định số 3510/QĐ-ĐHV ngày 23/12/2019 của Hiệu trưởng về việc phân bổ chỉ tiêu công bố bài báo trên các tạp chí khoa học thuộc cơ sở dữ liệu của Web of Science hoặc Scopus năm 2020;*

*- Kế hoạch số 35/KH-ĐHV ngày 18/07/2019 của Hiệu trưởng về cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài Chương trình đào tạo Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Vinh;*

*- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ bộ phận khoa Xây dựng nhiệm kỳ 2020 – 2025;*

*- Đặc điểm tình hình hiện tại của đơn vị.*

Năm học 2020 – 2021 là năm học đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 – 2021; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ bộ phận khoa Xây dựng nhiệm kỳ 2020 – 2025; tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 20-NQ/TW về phát triển khoa học và công nghệ, Chỉ thị số 05 của Bộ chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh. Năm học này cũng là năm học đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng trường và nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2020 – 2025. Trên cơ sở đó khoa Xây dựng triển khai các trọng tâm công tác như sau:

1. Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng

Tiếp tục hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO, đẩy mạnh công tác biên soạn bài giảng, giáo trình, tăng cường các hoạt động thực hành thí nghiệm, rèn nghề, thực tập cho sinh viên.

Hoàn thiện ma trận các kỹ năng, bảng ma trận, CTĐT thể hiện cấu trúc tích hợp cây chuẩn đầu ra để làm căn cứ xây dựng cấu trúc và nội dung các học phần cho phù hợp với mục đích rà soát, cập nhật và hoàn thiện chuẩn đầu ra cấp độ 3, 4 các ngành đào tạo. Rà soát, cập nhật và hoàn thiện ma trận ITU các ngành đào tạo.

Kinh phí dự kiến *(Phụ lục 4)*: 8,500,000.

Điều chỉnh nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ sinh viên trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Với mục đích hỗ trợ giảng viên điều chỉnh và hoàn thiện nội dung chương trình đào tạo và nội dung các bài giảng.

Kinh phí dự kiến *(Phụ lục 5)*: 22,750,000.

Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT và công bố công khai CĐR của CTĐT ngành KTXD và KTCT giao thông. Cập nhật bản mô tả CTĐT ngành KTXD và KTCT giao thông.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, cập nhật đầy đủ tài liệu học tập nhất là tài liệu bằng tiếng Anh của các học phần cơ sở ngành và chuyên

 Kinh phí dự kiến *(Phụ lục 3)*: 13,950,000.

2. Công tác dạy học

Tổng số giờ giảng dạy quy chuẩn đăng ký thực hiện: 11.904 giờ chuẩn, trong đó giảng viên trong đơn vị đảm nhận 11.082 giờ chuẩn, thỉnh giảng 822 giờ chuẩn.

Tổng số giờ giảng dạy quy chuẩn phải đảm nhận: 5.870 giờ chuẩn (Đã tính miễn trừ miễn giảm). Dự kiến thừa/thiếu số giờ giảng dạy quy chuẩn: 5.212 giờ chuẩn.

Số giờ thực hiện với hệ chính quy 7790 giờ chuẩn, hệ vừa làm vừa học 1749 giờ chuẩn, đào tạo thạc sỹ 2365 giờ chuẩn.

Hiện nay các phòng thí nghiệm Khoa xây dựng đã được quy hoạch đảm bảo đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO. Các phòng thí nghiệm đã được sắp xếp tối ưu, đảm bảo hiệu suất khai thác từng phòng thí nghiệm và đảm bảo tính liên thông giữa các phòng thí nghiệm. Đồng thời phần thực hành Hình họa – vẽ kỹ thuật đã được xây dựng các bài thực hành trên máy tính để phù hợp với xu thế hiện tại của xã hội. Trong năm học 2020-2021, Khoa Xây dựng có các học phần thực hành sau:

+ Thực hành Thí nghiệm công trình giao thông khóa 57, 58

+ Thực hành Địa kỹ thuật công trình khóa 58

+ Thực hành Trắc địa khóa 60

+ Thí nghiệm công trình khóa 57

+ Thực tập công nhân và tham quan khóa 59

+ Thực hành Hình họa - Vẽ kỹ thuật khóa 61

+ Thực hành vật liệu xây dựng khóa 60

+ Thực hành ứng dụng tin học trong thiết kế khóa 59

+ Thực tập tốt nghiệp Khóa 57 ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông:

Số sinh viên tham gia thực tập tốt nghiệp: 134 sinh viên K57.

Số cán bộ tham gia hướng dẫn: 16

Số đơn vị thực tập (dự kiến): 30

Địa bàn thực tập (dự kiến): Nghệ an, Hà Tĩnh, Thanh Hóa

Kinh phí Thực tập: 107.454.000 đồng (Xem Phụ lục 01)

Đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng và Kỹ thuật công trình giao thông K57. Số lượng sinh viên K57 làm đồ án tốt nghiệp: 134. Trong đó 108 ngành KTXD và 26 ngành KT công trình giao thông.

Tổ chức tháng rèn nghề, Hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”. Với mục đích phát động phong trào thi đua dạy tốt, học tốt trong giảng viên và sinh viên; rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, thúc đẩy các hoạt động NCKH, sáng tạo; tăng cường hiểu biết, giao lưu, học tập kinh nghiệm lẫn nhau; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong sinh viên; giới thiệu, quảng bá về Nhà trường, khoa Xây dựng, các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích, hấp dẫn cho sinh viên các khóa; các hoạt động được tổ chức an toàn, vui tươi, có ý nghĩa, thu hút đông đảo sinh viên tham gia và để lại dấu ấn tốt đẹp.

Hoạt động tháng rèn nghề: Kinh phí dự kiến 24.460.000 đồng (Xem Phụ lục 07).

Các hoạt động chuyên đề: Nhằm rút kinh nghiệm trong việc phát triển chương trình theo hướng tiếp cận CDIO và nâng cao trình độ chuyên môn và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế, khoa Xây dựng lên kế hoạch tổ chức 2 hội thảo trong năm học 2019-2020, cụ thể:

+ Hội nghị sơ kết công tác đào tạo theo tiếp cận CDIO tại Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh. Kinh phí dự kiến: 13.900.000 đồng (Xem Phụ lục 02).

+ Hội thảo khoa học "Đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu do biến đổi khi hậu khu vực ven biển Bắc Trung Bộ" . Kinh phí dự kiến: 35.000.000 đồng (Xem Phụ lục 02).

3. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ

- Xây dựng định hướng phát triển khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn, kế hoạch thực hiện khoa học công nghệ; đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu; ứng dụng và chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thực hiện dịch vụ khoa học công nghệ; xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành; tổ chức hoạt động NCKH cho SV, học viên cao học; tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về khoa học công nghệ;

*Các đề tài dự án cấp Bộ:*

+ 01 đề tài do TS. Nguyễn Trọng Hà chủ trì, đang triển khai: Nghiên cứu giải pháp nâng cao độ tin cậy và thời hạn sử dụng kết cấu nhà thép trong môi trường các khu công nghiệp nhiều hóa chất sulfur dioxides và chlorides. Kinh phí: 700.000.000 đồng

+ Đăng ký 02 đề tài cấp Bộ:

 01 đề tài do TS. Trần Ngọc Long chủ trì: Nghiên cứu thực nghiệm biến dạng co ngót bê tông ở miền trung Việt Nam để hạn chế vết nứt kết cấu BTCT. Kinh phí 900.000.000 (Đăng ký sở hữu trí tuệ:“sáng chế giải pháp hữu ích”).

 01 đề tài do TS. Phan Văn Tiến chủ trì: Nghiên cứu giải pháp chế tạo bê tông cốt liệu tái chế trong điều kiện thành phố Vinh - Nghệ An. Kinh phí 500.000.000.

*Các đề tài dự án cấp Trường:*

+ Đăng ký 03 đề tài cấp Trường:

01 đề tài do TS. Phan Văn Phúc chủ trì: Nghiên cứu xác định tải trọng tới hạn của dầm BTCT bằng phần mềm mô phỏng. Kinh phí 15.000.000.

01 đề tài do TS. Nguyễn Cẩn Ngôn chủ trì: Nâng cao hiệu quả quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong giai đoạn thực hiện dự án xây dựng công trình giao thông ở khu vực Bắc Trung Bộ. Kinh phí 15.000.000.

01 đề tài do TS. Nguyễn Trọng Hà chủ trì: Nghiên cứu đánh giá khả năng chịu lực của cột liên hợp thép bê tông tiết diện tròn theo tiêu chuẩn EN 1994 -1-1 có xét đến sự ăn mòn kim loại môi trường không khí. Kinh phí 15.000.000.

*Sinh viên, học viên Nghiên cứu khoa học đăng ký tham gia xét tuyển giải thưởng sinh viên NCKH cấp bộ:* Cán bộ hướng dẫn TS.Trần Ngọc Long, TS.Nguyễn Trọng Hà: Tự động hóa thiết kế cột liên hợp Thép - Bê tông theo tiêu chuẩn Eurocode-4 bằng phương pháp xây dựng biểu đồ tương tác. Kinh phí 20.000.000

*Công bố khoa học:*

08 Bài báo trên tạp chí khoa học cơ sở dữ liệu của web of science hoặc scopus của các cán bộ: TS.Trần Ngọc Long, TS.Nguyễn Trọng Hà, TS.Nguyễn Cẩn Ngôn, TS.Phan Văn Phúc, TS.Phan Văn Tiến, TS.Phạm Hồng Sơn, TS.Nguyễn Duy Duẩn, TS.Nguyễn Văn Quang. Kinh phí 280.000.000

Hoạt động của nhóm nghiên cứu: Kết cấu BTCT. Kinh phí 200.000.000.

Hoạt động của nhóm nghiên cứu mạnh: Cơ học. Kinh phí 250.000.000.

4. Công tác phát triển đội ngũ

Đội ngũ nhà giáo là nhân tố quyết định chất lượng GD&ĐT. Đặc biệt trong quá trình đổi mới giáo dục Đại học; đổi mới căn bản toàn diện giáo dục… thì hơn bao giờ hết vai trò trách nhiệm thuộc về nhà giáo. Như vậy, vấn đề phát triển đội ngũ nhà giáo kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế vô cùng quan trọng.

Đội ngũ giảng viên của khoa Xây dựng là lực lượng chủ chốt trong quy trình đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng. Chất lượng của đội ngũ giảng viên quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực của khoa Xây dựng.

Trong năm học 2020 – 2021 khoa Xây dựng sẽ lên kế hoạch phát triển đội ngũ trong giai đoạn mới, trong đó chuẩn bị cho cán bộ đủ điều kiện, tiêu chuẩn để phong học hàm 2 PGS, giảng viên chính, cử cán bộ làm NCS trong và ngoài nước, giao nhiệm vụ để tất cả cán bộ có các công bố trong và ngoài nước.

*Công tác đào tạo cán bộ của khoa Xây dựng như sau:*

+ Bồi dưỡng, chuẩn bị tiêu chí để phong học hàm PGS: 02 cán bộ

+ Đang làm NCS trong nước: 04 cán bộ

+ Đang làm NCS nước ngoài: 10 cán bộ

+ Post-doc ở nước ngoài: 02 cán bộ

+ Dự kiến NCS nước ngoài (Hàn Quốc): 01 cán bộ

+ Dự kiến NCS trong nước: 03 cán bộ

Tỷ lệ cán bộ học tập, nâng cao trình độ chuyên môn năm 2020 – 2021 là 20/43 (46,5%) giảng viên.

*Công tác bồi dưỡng cán bộ của khoa Xây dựng như sau:*

+ Cao cấp chính trị (đang học): 01 đồng chí

+ Dự kiến: trung cấp lý luận chính trị: 02 đồng chí

+ Dự kiến: quốc phòng an ninh đối tượng 4: 11 cán bộ

+ Dự kiến: quản lý hành chính nhà nước: 04 cán bộ

+ Dự kiến: Tiếng Anh: 03 cán bộ

Công tác đánh giá cán bộ và thi đua khen thưởng của đơn vị. Ngoài hướng dẫn của Nhà trường, khoa sẽ có những tiêu chí riêng để đánh giácán bộ hàng tháng và xếp loại hàng năm.

5. Công tác về người học

5.1. Công tác tuyển sinh

Chỉ đạo quyết liệt và tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của cán bộ viên chức, học viên, sinh viên, cựu sinh viên, các doanh nghiệp để quảng bá hình ảnh của Nhà trường nói chung và khoa Xây dựng nói riêng.

5.2. Công tác hỗ trợ người học

Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, hỗ trợ cho người học. làm tốt công tác thi đua khen thưởng trong học viên, sinh viên. Tiếp tục phân tích ý kiến người học đánh giá các mặt hoạt động và giảng viên.

Tập trung nâng cao các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên; tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp để sinh viên thực tập và giới thiệu việc làm.

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tiếp tục tổ chức các hoạt động xây dựng Đoàn – Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh phong trào học tập, nghiên cứu khoa học trong sinh viên; tham gia công tác nội trú, ngoại trú, lưu học sinh; tích cực chủ động phát hiện, nắm bắt và xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh trong học viên, sinh viên; xây dựng nếp sống văn hóa.

6. Công tác cơ sở vật chất

Hoàn thành việc đầu tư trang thiết bị thí nghiệm đã được Nhà trường phê duyệt, nâng cao hiệu quả, tần suất sử dụng trang thiết bị trong dạy học và nghiên cứu khoa học. Đề xuất phương án sử dụng một phần trang thiết bị phục vụ sản xuất để tăng nguồn thu cho Nhà trường và khoa.

Định kỳ kiểm tra và báo cáo sửa chữa, bổ sung, thay thế, thanh lý tài sản.

Rà soát, điều chỉnh định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác đào tạo.

7. Công tác hợp tác đối ngoại

Đổi mới các hoạt động hợp tác với các đơn vị trong nước và ngoài nước trên cơ sở phát triển, tăng cường hợp tác, trao đổi về giáo dục, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ.

Phối hợp để thực hiện các đề tài, các nhiệm vụ phát triển kinh tế, kỹ thuật ở địa phương.

Tiếp tục chỉ đạo tăng cường doạt động hợp tác, đối ngoại đối với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước; các DN, tập đoàn, các trường học và các đơn vị khác liên quan.

Phối hợp với Đại học Xây dựng, Đại học Giao thông trong đào tạo Sau đại học và phát triển chương trình; phối hợp trong hoạt động nghiên cứu khoa học,..

Phối hợp với Đại học Sejong Hàn Quốc; Đại học ShuSHi Nhật Bản; GS. Thăng – Hoa Kỳ trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Tạo dựng mối liên hệ với các trường phổ thông thông qua hoạt động hỗ trợ tư vấn nghề nghiệp, hoạt động giao lưu thể thao, văn nghệ,…

Phối hợp với nhiều công ty, tập đoàn trong nước thuộc lĩnh vực Xây dựng, giao thông trong công tác tuyển cán bộ cho sinh viên mới tốt nghiệp; bồi dưỡng kỹ năng nghề, thực tập…(công ty cổ phần Ecoba Việt Nam, công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất; Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Quốc tế DCI).

8. Các công tác khác

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho học viên sinh viên được chú trọng thông qua việc tổ chức học tập các Nghị quyết, chỉ thị của Trung ương. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh Chỉ thị số 05 của Bộ chính trị.

Tăng cường công tác phát triển Đảng, các hoạt động đoàn thể, tình nguyện vì cộng đồng, hoạt động phòng chống dịch Covid

Thực hiện các giải pháp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ viên chức và người học. Tiếp tục hỗ trợ cán bộ trẻ đảm bảo đời sống, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng nâng cao trình độ.

9. Kiến nghị và đề xuất

Nhằm đáp ứng nhu cầu người học, xu thế đào tạo liên thông của quốc tế và tạo cơ hội tuyển sinh, Nhà trường cho chủ trương để khoa Xây dựng nghiên cứu điều chỉnh thiết kế chương trình đào tạo liên thông Đại học – thạc sỹ ngành KTXD để tuyển sinh năm học 2021 – 2022.

Nhà trường nên có cơ chế phân bổ về nhiệm vụ đề tài cấp bộ hàng năm cho các Khoa/Viện, nhằm giúp các Khoa/Viện có cơ hội thực hiện đấu thầu (như Bộ vẫn triển khai cho các cơ sở giáo dục thuộc bộ quản lý).

Nhà trường cần xây dựng lại bộ tiêu chí đánh giá công tác Đoàn TN và công tác Quản lý HSSV, học viên cho phù hợp với tình hình mới.

Thành lập Bộ Môn Kinh tế và Quản lý Xây dựng cho ngành Kinh tế xây dựng để quản lý đào tạo, phát triển ngành.

Hoàn thiện mua sắm thiết bị, dụng cụ thí nghiệm theo quy hoạch Phòng thí nghiệm đã được duyệt.

Nhà trường cần triển khai đề tài CDIO cho ngành Kinh tế xây dựng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | KHOA XÂY DỰNG |

| **TT** | **LĨNH VỰC CÔNG TÁC** | **NỘI DUNG KẾ HOẠCH****(nêu các hoạt động kiểm đếm được sản phẩm đầu ra)** | **KHUNG****THỜI GIAN****THỰC HIỆN** | **ĐƠN VỊ****PHỐI HỢP** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Công tác phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng** | Hoàn thiện ma trận các kỹ năng, bảng ma trận, CTĐT thể hiện cấu trúc tích hợp cây chuẩn đầu ra để làm căn cứ xây dựng cấu trúc và nội dung các học phần cho phù hợp (PL4) | Tháng 9/2020 đến tháng 7/2021 | ĐT, TTĐBCL, Ban NC CDIO | - Bản rà soát, cập nhật và hoàn thiện chuẩn đầu ra cấp độ 3, 4 các ngành đào tạo- Bản rà soát, cập nhật và hoàn thiện ma trận ITU các ngành đào tạo |
| Điều chỉnh nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ sinh viên trên cơ sở góp ý của các bên liên quan (PL5) | Tháng 9/2020 đến tháng 7/2021 | ĐT, TTĐBCL, Ban NC CDIO | - Phiếu khảo sát các bên liên quan về nội dung chương trình, bài giảng, phương pháp giảng dạy, hỗ trợ sinh viên.- Báo cáo thực trạng.- Đề xuất điều chỉnh |
| Cập nhật chuẩn đầu ra CTĐT và công bố công khai CĐR của CTĐT ngành KTXD và KTCT giao thông(đang triển khai) | Tháng 2/2021 đến tháng 5/2021 | ĐT, Ban NC CDIO, TTĐBCL | - 02 bản mô tả/đề cương CTĐT.- Các biên bản họp và tài liệu lưu trữ về hoạt động rà soát CT.- Kết quả xếp loại tốt nghiệp của người học CTĐT trong 5 năm |
| Cập nhật bản mô tả CTĐT ngành KTXD và KTCT giao thông(đang triển khai) | Tháng 2/2021 đến tháng 5/2021 | ĐT, Ban NC CDIO, TTĐBCL | - Bản mô tả/đề cương CTĐT bao gồm các phiên bản cũ và mới nhất.- Biên bản họp/tài liệu về hoạt động rà soát chương trình- Kế hoạch/báo cáo xây dựng/điều chỉnh Bản mô tả CTĐT được phê duyệt- Bản mô tả CTĐT đã được phê duyệt chính thức |
| Rà soát, hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, cập nhật đầy đủ tài liệu học tập nhất là tài liệu bằng tiếng Anh của các học phần cơ sở ngành và chuyên (PL3) | Tháng 9/2020 đến tháng 4/2021 | ĐT, TTĐBCL | - 02 bản mô tả/đề cương môn học/học phần.- Bản mô tả/đề cương môn học/học phần bao gồm các phiên bản cũ và mới nhất.- Biên bản rà soát hệ thống đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT ngành xây dựng |
| **2** | **Công tác dạy học** | Công tác thực hành thí nghiệm | Tháng 10/2020 đến tháng 7/2021 | ĐT, TTTHTN | - Hồ sơ giảng dạy- Bảng điểm- Phiếu khảo sát kết quả mức độ hài lòng của người học |
| Thực tập tốt nghiệp Khóa 57 ngành Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | Tháng 2/2021 đến tháng 4/2021 | ĐT, HTSVQHDN | - Báo cáo tổng kết đợt thực tập, hồ sơ thực tập. |
| Hoạt động rèn nghề (PL7) | Tháng 3/2021 đến tháng 4/2021 | ĐTN, HSV | - Các hội thi- Hồ sơ tổng kết tháng rèn nghề |
| Hội nghị sơ kết công tác đào tạo theo tiếp cận CDIO tại Khoa Xây dựng (PL2) | Tháng 12/2020 | ĐT, Ban NC CDIO | - Hồ sơ sơ kết- Các báo cáo |
| Biên soạn tài liệu giáo trình (Biểu 7B) | Tháng 9/2020 đến tháng 5/2021 | NXB | - Giáo trình đào tạo Sau đại học |
| Dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về quá trình dạy học và kết quả học tập | Tháng 9/2020 đến tháng 7/2021 | ĐT, SĐH TTĐBCL, CTCTHSSV | - Hồ sơ giảng dạy- Bảng điểm- Phiếu khảo sát kết quả mức độ hài lòng của người học |
| Công tác kiểm tra đánh giá: quy trình kiểm tra đánh giá, kết quả thi học phần, chấm luận án, bài thi định kỳ/cuối kỳ/cuối khóa... của các hệ đào tạo. | Cả năm | ĐT, ĐTSĐH, GDTX, ĐBCL | - Hồ sơ giảng dạy- Bảng điểm- Phiếu chấm đồ án tốt nghiệp |
| Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ dạy học và cập nhật định mức kinh tế kỹ thuật (Biểu 2, 3) | Cả năm | ĐT, ĐTSĐH, GDTX, THTN | - Thống kê giờ giảng dạy- Hồ sơ điều chỉnh định mức KTKT |
| **3** | **Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ** | Cập nhật kế hoạch NCKH và chuyển giao công nghệ của khoa. | Tháng 3/2021 | KH&HTQT | - Kế hoạch NCKH và chuyển giao công nghệ của khoa. |
| Đề tài cấp bộ | Cả năm | KH&HTQT | - 1 đề tài cấp Bộ của TS. Nguyễn Trọng Hà (đang triển khai)- 1 đề tài cấp Bộ của TS. Trần Ngọc Long (đăng ký sở hữu trí tuệ:“sáng chế giải pháp hữu ích”)- 1 đề tài cấp Bộ của TS. Phan Văn Tiến |
| Đề tài cấp Trường | Cả năm | KH&HTQT | -1 đề tài của TS. Nguyễn Trọng Hà-1 đề tài của TS. Nguyễn Cẩn Ngôn-1 đề tài của TS. Phan Văn Phúc |
| Bài báo trên tạp chí khoa học cơ sở dữ liệu của web of science hoặc scopus | Cả năm | KH&HTQT | - 8 Bài báo trên tạp chí khoa học cơ sở dữ liệu của web of science hoặc scopus |
| - Hoạt động các nhóm nghiên cứu | Cả năm | KH&HTQT | - Các bài báo, sản phẩm nghiên cứu, giáo trình. |
| - Hội nghị, hội thảo, seminar khoa học (PL9) | Tháng 4/2021 | KH&HTQT | Tổ chức 1 hội thảo khoa học "Đánh giá khả năng chịu lực của kết cấu do biến đổi khi hậu khu vực ven biển Bắc Trung Bộ" |
| **4** | **Công tác phát triển đội ngũ** | Kế hoạch phát triển đội ngũ của khoa Xây dựng | Tháng 9/2020 đến tháng 11/2020 | TCCB | Bản kế hoạch phát triển đội ngũ |
| Bồi dưỡng, chuẩn bị tiêu chí để phong học hàm PGS | Cả năm | TCCB | 02 cán bộ |
| Đang làm NCS trong nước | Cả năm | TCCB | 04 cán bộ |
| Đang làm NCS nước ngoài | Cả năm | TCCB | 10 cán bộ |
| Post-doc ở nước ngoài | Cả năm | TCCB | 02 cán bộ |
| Dự kiến NCS nước ngoài | Cả năm | TCCB | 01 cán bộ |
| Dự kiến NCS trong nước | Cả năm | TCCB | 03 cán bộ |
| Cao cấp chính trị | Tháng 8/2020 đến tháng 12/2020 | TCCB, VPĐ - ĐT | 01 cán bộ |
| Quốc phòng an ninh đối tượng 4 | Cả năm | TCCB | 11 cán bộ |
| Quản lý hành chính nhà nước | Cả năm | TCCB | 04 cán bộ |
| Trung cấp lý luận chính trị | Cả năm | TCCB, VPĐ - ĐT | 02 cán bộ |
| Tiếng Anh | Cả năm | TCCB | 04 cán bộ |
| Công tác đánh giá cán bộ và thi đua khen thưởng của đơn vị. | Cả năm | TCCB | - Kết quả xếp loại cán bộ. |
| **5** | **Công tác về người học** | Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020 – 2021 (Biểu 1) | Cả năm | ĐT, SĐH, TTGDTX | - Hồ sơ sinh viên.- Thông báo tuyển sinh |
| Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của khoa (PL6) | Cả năm | ĐT, SĐH, TTGDTX, HTSVQHDN | - Quảng bá trên trang web khoa xây dựng- Quảng báo thông qua kênh facebook.- Quảng bá tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh- Thông báo tuyển sinh. |
| Kế hoạch thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học | Tháng 4/2020 | CTCTHSSV | - Sổ tay sinh viên- Hồ sơ quản lý HSSV |
| Kế hoạch thực hiện sổ tay nghiệp vụ về người học đã tốt nghiệp | Tháng 6/2020 | SĐH, TTGDTX, HTSVQHDN | - Phiếu khảo sát- Kết quả khảo sát |
| Làm việc với các đơn vị sử dụng lao động trong việc gắn kết doanh nghiệp với CSGD ở tất cả các khâu trong quá trình đào tạo và tìm kiếm việc làm | Tháng 11/2020 đến tháng 02/2021 | HTSVQHDN | - Biên bản làm việc |
| **6** | **Công tác cơ sở vật chất** | Công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, …; Sổ theo dõi tình trạng hoạt động, tần suất sử dụng, ... của trang thiết bị | Cả năm | TTTHTN | - Sổ theo dõi tình trạng thiết bị- Nhật ký thực hành thí nghiệm |
| Mua sắm thiết bị thí nghiệm (đã trình hồ sơ lên phòng KHTC chờ mua sắm) | Tháng 9/2020 đến tháng 02/2021 | KHTC, QTĐT | - Hồ sơ mua sắm trang thiết bị |
| Mua sắm công cụ, dụng cụ (Biểu 5) | Tháng 9/2020 đến tháng 11/2020 | KHTC | - Văn phòng phẩm |
| **7** | **Công tác hợp tác đối ngoại** | Hoạt động hợp tác đối ngoại với các đơn vị trong nước về đào tạo, NCKH, thực hành, thực tập, bồi dưỡng,... | Cả năm | SĐH, TCCB | - Đào tạo sau đại học- Tài liệu giáo trình- Công bố khoa học- Trao đổi chương trình- Bồi dưỡng cán bộ |
| Hoạt động hợp tác đối ngoại với các đơn vị nước ngoài về đào tạo, NCKH, thực hành, thực tập, bồi dưỡng,... | Cả năm | TCCB, KH&HTQT | - Công bố khoa học- Trao đổi chương trình- Bồi dưỡng cán bộ |
| **8** | **Các công tác khác** | Công tác giáo dục chính trị tư tưởng | Cả năm | CTCTHSSV | - Các lớp học chính trị đầu khóa, cuối khóa- Văn bản phổ biến pháp luật, chế độ chính sách- Kết quả họp lớp hàng tháng của giáo viên chủ nhiệm lớp |
| Công tác phát triển Đảng | Cả năm | VPĐ – ĐT, ĐTN | - Biên bản làm việc của LCĐ- Danh sách giới thiệu- Quyết định kết nạp Đảng viên |
| Hoạt động đoàn thể (PL7, PL8) | Cả năm | ĐTN | - Hoạt động rèn nghề- Thể dục thể thao- Hội thi thiết kế mô hình- Hội thi văn nghệ- NCKH sinh viên |
| Tình nguyện vì cộng đồng | Tháng 1/2021 | ĐTN, HSV | - Tình nguyện Tiếp sức mùa thi 2019- Tình nguyện Vùng |
| Hoạt động phòng chống dịch Covid |  | ĐTN, HSV | - Tuyên truyền, phổ biến- Tờ rơi- Quyên góp, ủng hộ |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **KHOA XÂY DỰNG** |